

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2025/DS-PT
Ngày 26 - 8 -2025
V/v tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đê

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2025/TLPT-DS, ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế, hủy di chúc, chia tài sản cho thành viên trong họ*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2025/DS-ST, ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 179/2025/QĐ-PT, ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Phan Thị T, sinh năm 1943;

2. Bà Phan Thị N, sinh năm 1972;

3. Ông Phan Thanh T1, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Phan Văn D, sinh năm 1965. Địa chỉ: A ấp A, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền đề ngày 22/02/2019; ngày 01/11/2024 và ngày 04/11/2024).

- Bị đơn: Ông Phan Văn N1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp P, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Phạm Minh T2 - Văn phòng L1 – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Bé N2, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp P, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Dương Tiểu L, sinh năm 1979;

3. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã C, tỉnh Vĩnh Long.
4. Ông Phan Văn D, sinh năm 1965.
Địa chỉ: A ấp A, xã T Thành phố Hồ Chí Minh
5. Văn phòng C1.
Địa chỉ: Số C N, phường T, tỉnh Vĩnh Long.
Người kháng cáo: Phan Văn N1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông Phan Văn D là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn trình bày: Thửa đất số 508, diện tích 1.670m², loại đất trồng cây lâu năm, thửa số 908, diện tích 3.890m², loại đất trồng cây lâu năm, cùng tờ bản đồ số 5, cùng tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho hộ bà Phan Thị T4 đứng tên vào ngày 04/02/1996. Có nguồn gốc là của cụ Phan Văn Q, sinh năm 1919 và cụ Lê Thị V, sinh năm 1920 (đã mất). Cụ Q và cụ V có 04 người con gồm: Phan Thị T, sinh năm 1943, Phan Văn Q1 (mất năm 2003), Phan Thị T4 (mất năm 2017) và Phan Thị Bé N2, sinh năm 1956. Năm 1996 bà Phan Thị T4 đại diện hộ gia đình đứng tên hai thửa đất trên và tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ của bà T4 gồm có 05 thành viên gồm: Ông Phan Văn Q, bà Lê Thị V (đã mất), bà Phan Thị T4 (đã mất), ông Phan Thanh T1, bà Phan Thị N. Ông T1, bà N sống chung với bà T4 từ lúc nhỏ và có canh tác hai thửa đất này, đến năm 2002 ông T1 mới cắt hộ khẩu chung bà T4 nhập qua hộ khẩu bà T và đến năm 2010 bà N mới cắt hộ khẩu chung bà T4 nhập qua hộ khẩu bà T. Bà Phan Thị T4 tự ý lập di chúc định đoạt hai thửa đất trên cho ông Phan Văn N1 nhưng không được sự đồng ý của các thành viên trong hộ là không đúng quy định của pháp luật. Còn thửa đất số 76, diện tích 16.636m², tờ bản đồ số 37, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Phan Thị T4 đứng tên vào ngày 07/10/2009. Mặc dù thửa đất này cấp cho riêng cá nhân bà T4 nhưng tại mục 3 của di chúc có chỉnh sửa diện tích 1.163,6m² thành 16.636m² nhưng phần chỉnh sửa này không có dấu vân tay hay điểm chỉ của bà T4 về phần chỉnh sửa và xác định chữ ký của công chứng viên nào vì không ghi họ tên và không ghi ngày tháng năm chỉnh sửa, mặt khác nội dung di chúc ghi “Quyền sử dụng đất 1.163,6m² nhưng không ghi số thửa”, còn hiện trạng vẫn ghi diện tích 1.163,6m² và ghi số thửa 76 nên không biết bà T4 định đoạt diện tích đất nào và thuộc tờ bản đồ số mấy nên di chúc vô hiệu không đúng theo quy định của pháp luật.

Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu hủy di chúc chứng thực ngày 24/9/2014 do bà Phan Thị T4 lập định đoạt cho ông Phan Văn N1 gồm: Thửa số 508, diện tích 1.670m², loại đất trồng cây lâu năm, thửa số 908, diện tích 3.890m², loại đất trồng cây lâu năm, cùng tờ bản đồ số 5, cùng tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho hộ bà Phan Thị T4 và thửa số 76, diện tích 16.636m², tờ bản đồ số 37, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Phan Thị T4. Bà Phan Thị N, ông Phan Thanh T1 yêu cầu chia tài sản cho thành viên trong hộ bà Phan Thị T4 đối với thửa 508 mỗi người được hưởng diện tích 324m² nằm trong tổng diện tích 1.670m²; Thửa 908 mỗi người được hưởng 495m² nằm trong tổng diện tích 3.890m². Bà Phan Thị T yêu cầu chia thừa kế thửa 76,

diện tích 16.636m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Phan Thị T4. Bà T yêu cầu được hưởng ½ diện tích đất trên.

- *Tại bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Văn N1 trình bày:* Nguồn gốc thửa đất số 508, diện tích 1.670m², loại đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 908, diện tích 3.890m², loại đất trồng cây lâu năm, cùng tờ bản đồ số 5, cùng tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là của cụ Phan Văn Q cho bà Phan Thị T4, tuy đất cấp cho hộ bà T4 nhưng bà T, ông T1, bà N không có công sức đóng góp gì vào hai thửa đất này. Tại thời điểm bà T4 lập di chúc cho ông thì trong hộ của bà T4 chỉ có một mình bà Phan Thị T4. Đối với thửa đất số 76, diện tích 16.636m², tờ bản đồ số 37, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh là do bà Phan Thị T4 mua và đứng tên cá nhân nên bà T4 có quyền định đoạt thửa đất này. Bà Phan Thị T4 lập di chúc chứng thực ngày 24/9/2014 tại Văn phòng C2 tỉnh Trà Vinh để lại các thửa đất trên cho ông là hợp pháp nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Tuy nhiên, ông đồng ý trích lại một phần tài sản mà mình được hưởng cho các nguyên đơn cụ thể như sau: Thửa đất số 508, diện tích 1.670m², tờ bản đồ số 5, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trên thửa đất có căn nhà cấp 4 hiện bà Phan Thị Bé N2 đang ở và thờ cúng bà Phan Thị T4, ông đồng ý thửa đất này chia làm 03 phần, mỗi người được hưởng diện tích khoảng hơn 500m². Thửa đất số 908, diện tích 3.890m², tờ bản đồ số 5, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trên đất có mồ mã ông bà, ông đồng ý để ông, ông Phan Văn D, bà Phan Thị B Năm đồng sở hữu đứng tên để làm đất hương hỏa chôn cất người trong thân tộc. Đối với thửa đất 76, diện tích 16.636m², tờ bản đồ số 37, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh là do bà Phan Thị T4 mua và đứng tên cá nhân nên bà Phan Thị T4 có quyền định đoạt thửa đất này nên ông không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn và bà Phan Thị Bé N2.

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phan Thị Bé N2 trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của các đồng nguyên đơn và bị đơn ông Phan Văn N1 về nguồn gốc đất và các thửa đất trên do bà Phan Thị T4 đứng tên quyền sử dụng đất. Di chúc chứng thực ngày 24/9/2014 do bà Phan Thị T4 lập định đoạt cho Phan Văn N1 các thửa đất trên không hợp pháp nên bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 508, diện tích 1.670m², tờ bản đồ số 5, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bà yêu cầu được hưởng diện tích 700m² (thực đo 617,9m²) cùng với căn nhà cấp 4 nằm trong diện tích 700m², tờ bản đồ số 5, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Còn thửa đất số 908, diện tích 3.890m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh trên thửa đất này có mồ mã ông, bà trong thân tộc nên bà muốn thửa đất này là đất thổ mộ chôn cất họ hàng trong thân tộc không yêu cầu gì đối với thửa đất này. Đối với thửa đất số 76, diện tích 16.636m², tờ bản đồ số 37, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh bà thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị T là chị ruột của bà và bà yêu cầu được hưởng ½ diện tích thửa đất trên.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Tiểu L trình bày: Bà Phan Thị T4 có phần đất diện tích 16.636m², thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 37, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào khoảng năm 2009 bà T4 có nói miệng với ông là cho gia đình ông canh tác thửa đất trên để trồng lúa vì bà T4 sống một mình không có chồng con và đất tọa lạc ở ấp G, xã Đ, huyện C thì không ai canh tác, sử dụng. Việc bà T4 cho ông canh tác với mục đích là để trong nom, giữ gìn đất chứ không có việc thuê mướn đất trên. Nay nguyên đơn và bị đơn tranh chấp phần đất này thì ông không có yêu cầu gì trong vụ án này, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn D có lời trình bày như người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng Trần Văn K xin vắng mặt nên không có lời trình bày

Tại bản án sơ thẩm số 45/2025/DS-ST, ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang đã quyết định:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đối với thửa đất số 908, diện tích 3.890m², tờ bản đồ số 5, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Công nhận phần đất diện tích 3.890m², thuộc thửa số 908, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là tài sản chung của bà Phan Thị T, bà Phan Thị Bé N2, ông Phan Văn N1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 915094 Cấp cho hộ bà Phan Thị T4 đứng tên vào ngày 04/02/1996 và các tài sản trên đất.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đối với thửa đất số 508, diện tích 1.670m² (thực đo 1.583,3m²), tờ bản đồ số 5, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

- Công nhận cho bà Phan Thị N, ông Phan Thanh T1 được quyền sử dụng phần đất ký hiệu (A) diện tích 540,3m² thuộc thửa số 508, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh và các tài sản trên đất, phần đất có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đường đất có kích thước 18,00m;
- + Hướng Tây giáp đường nhựa có kích thước 18,00m;
- + Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 508 có kích thước 30,07m;
- + Hướng Bắc giáp phần (B) có kích thước 30,26m.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 290/CNHCN ngày 16/12/2024 của Văn phòng ĐL chi nhánh huyện C).

- Công nhận cho ông Phan Văn N1 được quyền sử dụng phần đất ký hiệu (B) diện tích 500,6m² thuộc thửa số 508, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng cây lâu

năm, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh và các tài sản trên đất, phần đất có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đường đất có kích thước 13,66m và 2,50m;
- + Hướng Tây giáp đường nhựa có kích thước 17,01m;
- + Hướng Nam giáp phần (A) có kích thước 30,26m;
- + Hướng Bắc giáp phần (C) có kích thước 30,15m.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 290/CNHCN ngày 16/12/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C).

- Công nhận cho bà Phan Thị Bé N2 được quyền sử dụng phần đất ký hiệu (C) diện tích 542,4m² thuộc thửa số 508, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh và các tài sản trên đất, phần đất có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đường đất có kích thước 19,94m;
- + Hướng Tây giáp đường nhựa có kích thước 16,91m;
- + Hướng Nam giáp phần (B) có kích thước 30,15m;
- + Hướng Bắc giáp đường bê tông có kích thước 29,03m.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 290/CNHCN ngày 16/12/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T và yêu cầu độc lập của bà Phan Thị Bé N2 về việc yêu cầu chia thừa kế diện tích 16.636m², thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 37, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Buộc ông Dương Tiểu L, bà Nguyễn Thị T3 giao lại diện tích 16.636m², thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 37, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà Phan Thị T và bà Phan Thị Bé N2.

- Công nhận phần đất diện tích 8.349,0m² ký hiệu (A) thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 37, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh và các tài sản trên đất cho bà Phan Thị T quản lý sử dụng có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa 75 có kích thước 19,84m;
- + Hướng Tây giáp Kênh có kích thước 20,50m;
- + Hướng Nam giáp phần (B) có kích thước 414,08m;
- + Hướng Bắc giáp thửa 57, thửa 543, thửa 61 có kích thước 75,70m; 86,35m; 134,30m; 112,12m.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 120/CNHCT, ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C)

- Công nhận phần đất ký hiệu (B) thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 37, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh và các tài sản trên đất cho bà Phan Thị B Năm quản lý sử dụng có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa 92, 75 có kích thước 5,83m; 9,80m; 4,33m;
- + Hướng Tây giáp Kênh có kích thước 20,50m;
- + Hướng Nam giáp thửa 93 có kích thước 418,10m;
- + Hướng Bắc giáp phần (A) có kích thước 414,08m.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 120/CNHCT, ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C)

Các đương sự được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất theo quyết định của bản án này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/5/2025, ông Phan Văn N1 kháng cáo không đồng ý chia diện tích 16.636 m² thửa 76 tọa lạc ấp G xã Đ, huyện C cho bà Phan Thị T5 và bà Phan Thị Bé N2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn: Thửa đất số 76 diện tích 16.636 m² là của bà Phan Thị T4, bà T4 đã lập di chúc ngày 24/9/2014 cho ông Phan Văn N1. Tòa sơ thẩm cho rằng tờ di chúc có sửa chữa tại mục 3 là không hợp nên tuyên vô hiệu. Tuy nhiên, việc ghi diện tích đất sai trong tờ di chúc đã được Phòng công chứng sửa chữa lỗi kỹ thuật đúng theo Điều 42,45 Luật công chứng. Bà T5, bà Bé N2 không có quyền yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông N1 sửa bản án sơ thẩm công nhận di chúc có hiệu lực, không chia thừa kế thửa đất số 76 cho bà T5 và bà Bé N2.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn N1 là có cơ sở để chấp nhận. Thửa đất 76 diện tích 16.636 m² là của bà Phan Thị T4. Tờ di chúc ngày 24/9/2014 được sửa lỗi kỹ thuật theo đúng quy định điều 50 Luật công chứng. Khi lập di chúc bà T4 có khám sức khỏe, có hai người làm chứng, việc lập di chúc là đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N1 sửa bản án sơ thẩm, công nhận di chúc của bà T4 là hợp pháp tại mục 3 đối với thửa đất số 76 diện tích 16.636m² cho ông N1 được hưởng.

Về án phí phúc thẩm: ông Phan Văn N1 không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, của người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của bị đơn Phan Văn N1 trong hạn luật định, nên được cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của ông Phan Văn N1 không đồng ý chia diện tích 16.636 m² thửa 76 tọa lạc ấp G, xã Đ, huyện C. Ông N1 khai thửa đất số 76 diện tích 16.636 m² là tài sản riêng của bà Phan Thị T4 đã lập di chúc cho ông ngày 24/9/2014 tại Phòng công chứng số A tỉnh Trà Vinh.

[3] Thửa đất số 76 tờ bản đồ số 37 diện tích 16.636 m² loại đất trồng lúa được cấp cho hộ bà Bùi Hồng Ú và ông Nguyễn Văn P ngày 16/02/2009. Ngày 02/10/2009 bà Phan Thị T4 nhận chuyển nhượng theo hợp đồng số 07/UBX ngày 02/10/2009 và được đăng ký biến động ngày 07/10/2009 nên xác định thửa đất này là tài sản riêng của bà Phan Thị T4.

[4] Xét bản di chúc lập ngày 24/9/2014 của bà Phan Thị T4 được lập tại Phòng công chứng số A tỉnh Trà Vinh. Tại mục 3 trang số 3 tờ di chúc ghi:

“Quyền sử dụng thửa đất 1.163,6 m² tại ấp G, xã Đ, huyện C tỉnh Trà Vinh căn cứ theo các chứng từ đã được các cơ quan có thẩm quyền cấp gồm có: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 462110. Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 07132 do UBND huyện C cấp ngày 16/02/2009. bên trái cùng mục 3 của bản di chúc Phòng chứng có ghi chủ sử diện tích 1.163,3 m² là diện tích 16.636,0 m² theo đúng diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định di chúc lập ngày 24/9/2014 có chỉnh sửa lại diện tích đất phần chỉnh sửa này do Văn phòng công chứng số 01 tỉnh Trà Vinh đóng dấu nội dung thay đổi nhưng không xác định được thời gian thay đổi phần diện tích đất của di chúc, tại thời điểm này bà T4 còn sống hay không và sự thay đổi này có sự đồng ý của bà T4 hay không nên phần sửa đổi này không có giá trị pháp lý. Nên di chúc vô hiệu phần diện tích 16.636m², thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 37, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện C.

Qua xem xét hồ sơ, nhận thấy trước khi lập di chúc bà T4 có khám sức khỏe đủ minh mẫn để lập di chúc, bà T4 không biết chữ, đã lãng tay trong di chúc, khi lập di chúc có 02 người làm chứng là Phan Văn Đ và Trần Thành C. Ông Công khai năm 2014 bà T4 có nhờ ông và ông Đ cùng đến Phòng C3 để làm chứng cho bà T4 lập di chúc, ông Đ nay đã chết nên tờ di chúc lập 24/9/2014 là đúng theo quy định tại điều 655, điều 659, điều 660, điều 661 Bộ luật dân sự năm 1995.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 462110. Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 07132 do UBND huyện C cấp ngày 16/02/2009 diện tích thửa số 76 tờ bản đồ số 37 có diện tích 16636.0 m². Diện tích đất này cũng đúng với diện tích đất Tòa án dân huyện C thẩm định theo ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

Việc sửa chữa lỗi kỹ thuật trong tờ di chúc của Phòng công chứng số 01 tỉnh Trà Vinh là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 50 Luật công chứng năm 2014.

Từ đó, Tờ di chúc lập ngày 24/9/2014 là hợp pháp ông Phan Văn N1 kháng cáo yêu cầu công nhận tờ di chúc có hiệu lực là có cơ sở để chấp nhận. Sửa bản án sơ thẩm không chia thừa kế diện tích 16.636m², thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 37, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà Phan Thị T và bà Phan Thị Bé N2.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế quyền sử dụng đất, tuy nhiên thời hạn sử dụng đất đã hết. Cấp sơ thẩm không hỏi cơ quan quản lý đất đai quyền sử dụng đất có được gia hạn tiếp tục sử dụng không mà đem chia là không đúng. Tuy nhiên, việc này không bị kháng cáo, kháng nghị cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Ý kiến của kiểm sát viên là có căn cứ đúng pháp luật nên được chấp nhận.
[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[7] Về án phí phúc thẩm: Ông Phan Văn N1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 624, Điều 628, Điều 630, Điều 636 Bộ Luật dân sự năm 2015;
Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn N1.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 45/2025/DS-ST, ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T và yêu cầu độc lập của bà Phan Thị Bé N2 về việc yêu cầu chia thừa kế diện tích 16.636m², thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 37, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Tờ di chúc của bà Phan Thị T4 lập ngày 24/9/2014 tại Phòng C4 tỉnh Trà Vinh là hợp pháp. Ông Phan Văn N1 được nhận di sản thừa kế 16.636m², thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 37, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp G, xã C, tỉnh Vĩnh Long) theo di chúc.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Ông Phan Văn N1 không phải chịu. Hoàn trả cho ông Phan Văn N1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0011744 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 – Vĩnh Long).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự../

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 13 –Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 13-Vĩnh Long;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thành Trung